

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2017

VÀ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH NĂM 2018

I – THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN:

1. Dự án Hỗ trợ Nông nghiệp các bon thấp, khoản vay số: 2968-VIE (SF), được ký ngày 7/3/2013 giữa Ngân hàng Phát triển Châu á (ADB) và Chính phủ Việt Nam, Thời gian thực hiện dự án: 2013-2018 với tổng số tiền theo thiết kế ban đầu của dự án là 48.170.000 SDR tương đương 84 triệu USD (ADB 74 triệu USD, Chính phủ Việt Nam 10 triệu USD vào thời điểm ký Hiệp Định. Tuy nhiên, do tỷ giá SDR xuống thấp nên vốn vay ADB chỉ còn 69,197 triệu USD ngày 24/01/2018).

2 - Tổng vốn đầu tư của dự án theo kế hoạch tổng thể điều chỉnh, bổ sung được Bộ NN &PTNT phê duyệt (Quyết định số 3559/QĐ-BNN-TC ngày 31/8/2017):

+ Vốn phi tín dụng (Ban QLDA Trung ương và 10 Ban QLDA tỉnh thực hiện): 929 tỷ VND (ADB: 849,5 tỷ VND, CPVN: 79.5 tỷ VND);

+ Vốn tín dụng các định chế tài chính (Ngân hàng NN &PTNT, Ngân hàng hợp tác xã) thực hiện: 805 tỷ VND (ADB: 665 tỷ VND, CPVN: 140 tỷ VND);

3- Hình thức tài trợ: Dự án vốn vay;

4- Địa điểm thực hiện dự án: Mười (10) tỉnh là: Lào Cai, Sơn La, Phú Thọ, Bắc Giang, Nam Định, Hà Tĩnh, Bình Định, Tiền Giang, Bến Tre, Sóc Trăng;

5- Mục tiêu của dự án:

5.1. Mục tiêu tổng quát:

(i) Xây dựng một nền sản xuất nông nghiệp bền vững, hiệu quả và thân thiện với môi trường thông qua việc xúc tiến xây dựng/nhân rộng các mô hình nghiên cứu và chuyển giao các công nghệ sản xuất nông nghiệp hướng tới giảm thiểu phát thải khí nhà kính và ứng phó/giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, phế phụ phẩm trong nông nghiệp, quản lý hiệu quả các hoạt động chế biến, bảo quản sau thu hoạch nông sản.

(ii) Giảm thiểu ô nhiễm môi trường do chất thải nông nghiệp thông qua mở rộng và phát triển chương trình khí sinh học (KSH) từ quy mô công trình nhỏ hộ gia đình đến quy mô công trình vừa và lớn tạo nguồn năng lượng sạch; cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn.

5.2. Mục tiêu cụ thể:

(i) Hoạt động quản lý chất thải chăn nuôi, phế phụ phẩm trong sản xuất khí sinh học được cải thiện một bước; giảm thiểu ô nhiễm môi trường; góp phần phát triển chăn nuôi nông hộ và chăn nuôi trang trại bền vững; tạo ra nguồn năng lượng sạch; cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng đời sống của người dân nông thôn; tạo nguồn thu từ dự án CDM;

(ii) Ứng dụng các công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp trong lĩnh vực thủy sản và trồng trọt đã được khẳng định hiệu quả trên thế giới, thử nghiệm trong điều kiện Việt Nam và nhân rộng có chọn lọc các mô hình về trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, ứng phó/giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN NĂM 2017

Trong năm 2017, công tác triển khai dự án gặp nhiều khó khăn do giá thịt lợn tiếp tục suy giảm xuống dưới mức giá thành dẫn đến nhiều chủ trang trại và hộ chăn nuôi giảm đàn, treo chuồng và không có động lực đầu tư vào xử lý môi trường. Tuy nhiên, với sự nỗ lực vượt bậc của các Ban QLDA và sự hỗ trợ hiệu quả của các cơ quan quản lý, Dự án vẫn đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Cụ thể như sau:

2.1. Hợp phần 1 – Quản lý chất thải chăn nuôi

2.1.1. Tiểu hợp phần 1.1: Quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi và thị trường các bon

2.1.1.1. Hoạt động 1: Tiêu chuẩn hoá và phổ biến gói thiết kế cho quản lý chuỗi giá trị khí sinh học.

a) Nội dung chính của hoạt động:

Dự án hỗ trợ kinh phí để: (i) xây dựng các hướng dẫn, tiêu chuẩn về công trình khí sinh học quy mô nhỏ và vừa; (ii) tập huấn và thông tin tuyên truyền về xử lý chất thải chăn nuôi bằng công nghệ khí sinh học và các công nghệ tiên tiến khác nhằm sử dụng chất thải chăn nuôi làm phân bón hữu cơ, nuôi giun quế.

b) Các hoạt động đã thực hiện trong năm 2017:

+ Dự án đã xây dựng các hướng dẫn về: (i) hỗ trợ tài chính mức 5 triệu đồng/công trình KSH cho các đối tượng nghèo, dân tộc thiểu số, phụ nữ trụ cột gia đình; (ii) các tiêu chuẩn kỹ thuật cho công trình KSH quy mô vừa với mức hỗ trợ 50 triệu đồng/công trình.

+ Dự án đã tổ chức 340 lớp tập huấn về hướng dẫn vận hành, bảo dưỡng công trình KSH cho 9.311 hộ nông dân có đơn đăng ký xây dựng, lắp đặt các công trình quy mô nhỏ, trong đó 4.456 người được đào tạo là nữ, 1.104 người là dân tộc thiểu số (*Chi tiết lớp tập huấn tại Phụ lục 1*).

+ Ban QLDA Trung ương đã đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về Hướng đi mới trong xử lý môi trường chăn nuôi, bao gồm: (i) phối hợp với Báo Nông

nghiệp Việt Nam thực hiện tuyên truyền và đăng tải trên 20 bài viết và 10 tin ngắn; (ii) phối hợp với Tạp chí Nông nghiệp và PTNT xuất bản 01 số chuyên đề về Hướng đi mới trong xử lý toàn diện môi trường chăn nuôi; (iii) Đã thực hiện 05 phóng sự truyền hình chuyên đề và 01 cầu truyền hình đặc biệt để phổ biến kỹ thuật cũng như trao đổi về chính sách trong quản lý chất thải chăn nuôi; (iv) phối hợp với Viện Chính sách và chiến lược phát triển Nông nghiệp nông thôn (IPSARD), Viện Thổ nhưỡng nông hóa, Cục chăn nuôi, Đảng ủy Bộ NN & PTNT tổ chức 07 hội nghị khoa học, tư vấn chính sách nhằm tuyên truyền về công nghệ xử lý chất thải và sản xuất phân bón hữu cơ theo chuỗi giá trị cũng như đề xuất chính sách liên quan; (v) thực hiện nhiều phóng sự trên VTV1, VTC1 và nhiều bài viết trên các phương tiện thông tin đại chúng về các hoạt động của dự án; (vi) tăng cường hiệu quả hoạt động quảng bá, thông tin tuyên truyền trên website của Dự án (<http://www.lcasp.org.vn>);

+ Các Ban QLDA tỉnh tiếp tục thực hiện các chương trình truyền thông bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm tuyên truyền và phổ biến những thông tin về xử lý môi trường chăn nuôi và yêu cầu của dự án đến người dân, cụ thể: (i) in tờ rơi, áp phích tuyên truyền về dự án, về công nghệ, quản lý và cách vận hành công trình khí sinh học; (ii) làm pano giới thiệu về dự án tại các xã, thôn bản; (iii) tuyên truyền trên đài phát thanh các tỉnh, huyện và loa truyền thanh tại các xã, thôn, bản; (iv) xây dựng phóng sự, tọa đàm trên Đài truyền hình tỉnh (Lào Cai, Sơn La, Phú Thọ, Bắc Giang, Nam Định, Bình Định, Tiền Giang, Bến Tre, Sóc Trăng);

c. Lũy kế các hoạt động đã thực hiện từ đầu dự án đến 31/12/2017:

+ CPMU đã hoàn thiện các hướng dẫn về yêu cầu kỹ thuật và môi trường cho: (i) công trình KSH quy mô nhỏ dạng xây và composite; (ii) công trình KSH quy mô vừa dạng xây và phủ bạt HDPE; (iii) công trình KSH quy mô lớn dạng HDPE. CPMU cũng đã biên soạn 03 sổ tay hướng dẫn về (i) “Sổ tay vận hành và bảo dưỡng công trình KSH quy mô vừa và lớn công nghệ hồ phủ bạt HDPE”; (ii) “Sổ tay xây dựng và lắp đặt công trình KSH quy mô vừa và lớn công nghệ hồ phủ bạt HDPE”; (iii) “Sổ tay vận hành và bảo dưỡng công trình KSH quy mô nhỏ”. Các hướng dẫn và sổ tay này đã được ban hành và cung cấp rộng rãi cho người dân tại 10 tỉnh tham gia dự án.

+ Các Ban QLDA tỉnh đã tổ chức 1.997 lớp tập huấn về hướng dẫn vận hành, an toàn, bảo dưỡng công trình khí sinh học cho 55.132 hộ nông dân có đơn đăng ký xây dựng, lắp đặt các công trình KSH quy mô nhỏ, trong đó 20.522 người là nữ, 4.012 người là dân tộc thiểu số.

2.1.1.2. Hoạt động 2: Tăng cường năng lực cho các cơ quan có liên quan nhằm giám sát các công trình khí sinh học đã xây dựng.

a. Nội dung chính của hoạt động:

Dự án hỗ trợ kinh phí để: (i) tăng cường năng lực giám sát môi trường chăn nuôi và KSH cho các đơn vị có liên quan ở cấp trung ương và ở cấp tỉnh; (ii) kiểm tra tối thiểu 10% các công trình KSH đã được dự án hỗ trợ và đánh giá mức độ cải thiện về môi trường.

b. Các hoạt động đã thực hiện năm 2017:

+ Dự án đã ký hợp đồng và đang triển khai thực hiện gói thầu số 14: Thiết bị quan trắc môi trường và quản lý cơ sở dữ liệu KSH. Đây là gói thầu tăng cường năng lực thiết bị quan trắc môi trường chăn nuôi cho các tỉnh tham gia dự án và các đơn vị có liên quan nhằm giám sát môi trường chăn nuôi và khí sinh học hiệu quả tại các tỉnh dự án. CPMU cũng đã tổ chức 03 khóa tập huấn tăng cường năng lực giám sát môi trường cho các đơn vị thuộc Bộ và 10 tỉnh thuộc dự án với sự tham gia của 76 học viên, trong đó 16 học viên là nữ.

+ Ban QLDA Trung ương và các Ban QLDA tỉnh đã phối hợp đi kiểm tra 3.161 công trình KSH quy mô nhỏ, 8 công trình quy mô vừa.

c. Lũy kế các hoạt động đã thực hiện từ đầu dự án đến 31/12/2017:

+ Lũy kế từ đầu dự án, đã có 6.849 công trình KSH quy mô nhỏ, 8 công trình quy mô vừa được kiểm tra (theo phương pháp lựa chọn kiểm tra ngẫu nhiên các công trình dựa trên cơ sở dữ liệu các tỉnh cập nhật). Một số tỉnh vẫn chưa thực hiện kiểm tra đúng chỉ tiêu quy định như Bình Định, Bắc Giang (*Chi tiết tại Phụ lục 3*).

+ Kết quả kiểm tra cho thấy hầu hết các công trình đều hoạt động tốt, chưa phát hiện thấy công trình nào hư hỏng đến thời điểm hiện tại, người dân có ý thức quản lý và bảo dưỡng công trình theo đúng hướng dẫn.

2.1.1.3. Hoạt động 3: Hỗ trợ tài chính cho các công trình khí sinh học

a. Nội dung chính của hoạt động:

+ Dự án hỗ trợ tài chính để: (i) xây lắp 65.000 công trình KSH quy mô nhỏ (trong đó có 51.000 công trình hỗ trợ mức 3 triệu đồng và 14.000 công trình hỗ trợ mức 5 triệu đồng); (ii) 40 công trình quy mô vừa với mức hỗ trợ 50 triệu đồng/ công trình.

+ Sau Đánh giá giữa kỳ của dự án vào tháng 09/2016, ADB và Bộ Nông nghiệp & PTNT đã nhất trí: (i) tăng mức hỗ trợ lên 50 triệu đồng/ công trình KSH quy mô vừa để chủ trang trại có thể xây dựng đầy đủ các hạng mục bổ sung khác nhằm sử dụng hết khí ga và nước thải sau bioga như: máy phát điện, bể xử lý nước thải sau bioga, máy bơm, hệ thống tưới,...; (ii) tăng mức hỗ trợ lên 5 triệu VND/ công trình cho các hộ gia đình đáp ứng ít nhất một trong những tiêu chí sau: (a) là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo Quyết định Số 59/2015/QĐ-TTg (ngày 19/11/2015) ban hành về các mức độ hộ nghèo được áp dụng trong giai đoạn 2016-2020; (b) hộ gia đình có nữ giới là người giữ vai trò trụ cột; và (c) hộ gia đình thuộc các nhóm dân tộc thiểu số.

b. Các hoạt động đã thực hiện năm 2017:

+ Ban QLDA các tỉnh đã hỗ trợ tài chính cho xây lắp 8.506 công trình KSH quy mô nhỏ, 25 công trình quy mô vừa (*Chi tiết tại Phụ lục 2*).

c. Lũy kế các hoạt động đã thực hiện từ đầu dự án đến 31/12/2017:

+ Lũy kế từ đầu dự án đến hết năm 2017, toàn dự án đã hỗ trợ xây lắp được 51.663 công trình quy mô nhỏ, 23 công trình quy mô vừa và 02 công trình quy mô lớn.

2.1.1.4. Hoạt động 4: *Nâng cao năng lực thiết kế, xây dựng, và giám sát các công trình khí sinh học.*

a. Nội dung chính của hoạt động:

Dự án hỗ trợ kinh phí để: (i) tập huấn và cấp chứng nhận cho các thợ xây và nhà thầu có năng lực nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng/ lắp đặt các công trình KSH tại 10 tỉnh; (ii) hỗ trợ hình thành đội ngũ kỹ thuật viên có trình độ nhằm đảm bảo nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật cho nông dân đăng ký tham gia dự án.

b. Các hoạt động đã thực hiện năm 2017:

+ Ban QLDA Trung ương đã tổ chức 02 lớp tập huấn cho 49 kỹ thuật viên, thợ xây, kỹ sư, nhà thầu về công trình KSH quy mô vừa và quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi, trong đó 21 người là nữ,

c. Lũy kế các hoạt động đã thực hiện từ đầu dự án đến 31/12/2017:

+ Lũy kế từ đầu dự án đã tổ chức 36 lớp tập huấn kỹ thuật viên với sự tham gia của 1.229 người, trong đó 293 người là nữ, 17 lớp tập huấn thợ xây với sự tham gia của 462 người, trong đó 26 người là nữ.

2.1.1.5. Hoạt động 5: *Tăng cường năng lực và cung cấp trang thiết bị cho các đơn vị liên quan để quản lý cơ sở dữ liệu khí sinh học quốc gia.*

a. Nội dung chính của hoạt động:

Dự án hỗ trợ kinh phí để: (i) xây dựng hệ thống giám sát từ trung ương đến địa phương để theo dõi lượng giảm phát thải khí nhà kính hàng năm; (ii) cung cấp tư vấn về cơ chế vận hành thị trường các bon trong lĩnh vực KSH.

b. Các hoạt động đã thực hiện năm 2017:

+ Dự án đã ký hợp đồng cung cấp máy chủ và một số trang thiết bị phụ trợ cho Chương trình Khí sinh học Quốc gia (NBP) nhằm cập nhật cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý phát triển KSH và bán tín chỉ các bon.

+ Các Ban QLDA tỉnh tiếp tục cập nhật cơ sở dữ liệu vào phần mềm CSDL khí sinh học do NBP quản lý và khai thác.

c. Lũy kế các hoạt động đã thực hiện từ đầu dự án đến 31/12/2017:

+ Dự án đã hỗ trợ Chương trình Khí sinh học Quốc gia (NBP) xây dựng phần mềm để giám sát cơ sở dữ liệu về giảm phát thải khí nhà kính hàng năm từ trung ương đến địa phương. Tính đến hết năm 2017, đã có 40.764 công trình KSH của dự án được cập nhật vào phần mềm, trong đó 29.039 công trình được nhập cả tên vợ và chồng.

+ Dự án đã tổ chức 02 cuộc hội thảo nhằm định hướng cho hoạt động quản lý phát triển KSH và bán tín chỉ các bon của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

2.2. Hợp phần 2 – Tín dụng cho các chuỗi giá trị khí sinh học

a. Nội dung chính của hoạt động:

Dự án cung cấp vốn vay tín dụng cho doanh nghiệp và nông dân (có ưu tiên về giới) tại các tỉnh tham gia dự án thông qua các định chế tài chính đạt tiêu

chuẩn nhằm phát triển cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị khí sinh học – bao gồm cho vay từ khâu xây dựng cơ sở hạ tầng, hệ thống thu gom chất thải, bể KSH, các thiết bị sử dụng triệt để khí ga (bếp, máy phát điện, lò sấy, đường ống dẫn khí ga,...), các hạng mục xử lý môi trường (bể lắng, bể lọc, xử lý phân thừa,...), các hạng mục lưu giữ, vận chuyển chất cặn thải để sản xuất và sử dụng phân bón hữu cơ, các hạng mục vệ sinh để tránh lây lan bệnh tật cho vật nuôi. Các định chế tài chính (Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT và Ngân hàng Hợp tác xã) sẽ vay lại nguồn vốn ADB từ Bộ Tài chính và cho người dân vay với lãi suất ưu đãi giảm 10% so với lãi suất thị trường.

b. Các hoạt động đã thực hiện năm 2017:

+ Tiến độ thực hiện của hợp phần này rất chậm. Trong năm 2017, 02 ngân hàng tham gia dự án là VBARD và CoopBank mới giải ngân được 28 khoản vay với số vốn khoảng 3 tỷ đồng.

+ Ngày 15/11/2017, Văn phòng Chính phủ cũng đã có ý kiến đồng ý bổ sung Ngân hàng Chính sách xã hội (VBSP) tham gia Dự án Hỗ trợ Nông nghiệp các bon thấp. Hiện Ngân hàng chính sách xã hội đang hoàn tất các thủ tục nội bộ để tiến tới ký Hiệp định dự án với ADB và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính.

c. Lũy kế các hoạt động đã thực hiện từ đầu dự án đến 31/12/2017:

+ Lũy kế từ đầu dự án đến nay, 02 định chế tài chính chỉ giải ngân được 363 khoản vay với số vốn khoảng 16.5 tỷ đồng, trong đó, ngân hàng NN & PTNT giải ngân được 226 khoản vay với 6.2 tỷ đồng, ngân hàng Hợp tác xã giải ngân được 137 khoản vay với 10.3 tỷ đồng.

2.3. Hợp phần 3 – Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp

***2.3.1. Hoạt động 1:** Sử dụng các nghiên cứu bao gồm than sinh học và các chất thải nông nghiệp khác như phân bón hữu cơ, áp dụng các ứng dụng nông nghiệp phát thải KNK thấp tạo ra năng lượng sinh học, quản lý chất thải thủy sản và các ứng dụng quản lý chất thải nông nghiệp các bon thấp khác (CSAWMP).*

a. Nội dung chính của hoạt động:

Dự án hỗ trợ kinh phí để: (i) thực hiện 6 gói thầu nghiên cứu về công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp (CSAWMP) nhằm thúc đẩy xử lý chất thải nông nghiệp làm phân bón hữu cơ, năng lượng sinh học và các hoạt động tạo thu nhập khác (bao gồm sản xuất KSH, sử dụng khí ga sinh ra, sản xuất phân bón hữu cơ và thử nghiệm sử dụng phân bón hữu cơ trên các loại cây trồng của 10 tỉnh tham gia dự án). Các nghiên cứu về công nghệ sử dụng phế phụ phẩm trồng trọt và nuôi trồng thủy sản làm phân bón hữu cơ và năng lượng sinh học và các công nghệ giảm phát thải khí nhà kính khác cũng được xem xét thực hiện trong dự án.

b. Các hoạt động đã thực hiện năm 2017:

Tiến độ các gói thầu nghiên cứu thực hiện theo quy trình tuyển chọn tư vấn của ADB như sau:

(i) Gói thầu số 25, 26 (“Nghiên cứu sản xuất phân hữu cơ từ chất thải chăn nuôi và phụ phẩm khí sinh học theo chuỗi giá trị” và “Nghiên cứu cải thiện công nghệ khí sinh học và sử dụng hiệu quả khí sinh học theo chuỗi giá trị”): Ban QLDA Trung ương đã ký hợp đồng và đang hoàn thiện thủ tục tạm ứng lần đầu cho các nhà thầu;

(ii) Gói thầu số 27, 28 (“Nghiên cứu về công nghệ chăn nuôi lợn tiết kiệm nước” và “Nghiên cứu sử dụng hiệu quả chất thải trồng trọt theo chuỗi giá trị”): Ban QLDA Trung ương đang trình Ban Quản lý các dự án Nông nghiệp xin phê duyệt kết quả đánh giá đề xuất tài chính và xếp hạng đánh giá;

(iii) Gói thầu số 29 (Nghiên cứu xử lý bùn thải nuôi tôm ở các ao nuôi tôm): CPMU đang đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật;

(iv) Gói thầu số 30 (Nghiên cứu kỹ thuật canh tác giảm phát thải khí nhà kính): ADB và Bộ đã thống nhất hủy gói thầu này Hiện tại, CPMU đang chuẩn bị 02 gói thầu thay thế (gói số 42: thí điểm công nghệ sản xuất phân hữu cơ khoáng chuyên dùng cho cây trồng chủ lực từ chất thải chăn nuôi và phụ phẩm khí sinh học ở Việt Nam và gói 43: Xây dựng hệ thống sản xuất và cung ứng chế phẩm vi sinh vật chuyển hóa chất hữu cơ phục vụ xử lý chất thải chăn nuôi, chất thải sau khí sinh học và chất thải trồng trọt tại Việt Nam để sản xuất phân hữu cơ). Hiện tại, Ban QLDA Trung ương đang trình Ban quản lý các dự án Nông nghiệp xin phép được gửi nhà tài trợ ADB xin ý kiến về điều khoản tham chiếu (ToR).

c. Lũy kế các hoạt động đã thực hiện từ đầu dự án đến 31/12/2017:

- Ban QLDA Trung ương đã tiến hành khảo sát và hoàn tất xây dựng Chiến lược nghiên cứu về công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp. Trên cơ sở đó, các gói thầu nghiên cứu đã được hình thành và được ADB và Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt.

2.3.2. Hoạt động 2: Xây dựng các mô hình quản lý chất thải chăn nuôi để sản xuất nông nghiệp và giảm phát thải khí nhà kính.

a. Nội dung chính của hoạt động:

Dự án hỗ trợ kinh phí để thực hiện 06 loại mô hình liên quan đến quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi nhằm đạt được các mục tiêu của dự án bao gồm: (i) chuyển đổi ít nhất 70% lượng chất thải chăn nuôi để làm phân bón hữu cơ; (ii) sử dụng tối thiểu 80% lượng khí ga sinh ra từ các công trình khí sinh học; (iii) giảm thời gian lao động của phụ nữ và trẻ em xuống từ 1,8 – 2 giờ/ ngày.

b. Các hoạt động đã thực hiện năm 2017:

Tiến độ thực hiện 06 gói thầu mô hình trình diễn như sau:

(i) Gói thầu số 32 và 33 (Mô hình trình diễn thiết bị tách phân để xử lý chất thải chăn nuôi làm nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ): Ban QLDA đã trao thầu và đang thực hiện hợp đồng;

(ii) Gói thầu số 34 (Mô hình trình diễn máy phát điện sử dụng KSH và máy tách phân để quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi): Ban QLDA đang phát hành hồ sơ mời thầu và nhận hồ sơ dự thầu của các nhà thầu;

- (iii) Gói thầu số 35 (Mô hình trình diễn máy tách phân di động để xử lý chất thải chăn nuôi làm nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ ở quy mô hộ gia đình): Ban QLDA đang chuẩn bị trình phê duyệt hồ sơ mời thầu;
- (iv) Gói thầu số 36 (Mô hình trình diễn máy phát điện sử dụng khí sinh học): Ban QLDA đã trao thầu và đang thực hiện hợp đồng;
- (v) Gói thầu số 37 (Mô hình trình diễn cung cấp hệ thống xử lý nước thải sau hầm KSH làm phân bón cho cây trồng): Ban QLDA đang tiến hành thương thảo ký hợp đồng với nhà thầu trúng thầu.

2.3.3. Hoạt động 3: Tăng cường năng lực cho cán bộ nghiên cứu, khuyến nông và nông dân, bao gồm chương trình đào tạo dạy nghề, các khóa đào tạo tập huấn và tham quan học tập về công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp (CSAWMP)

a. Nội dung chính của hoạt động:

Trên cơ sở đánh giá nhu cầu đào tạo, tập huấn, Dự án đã hỗ trợ để: (i) tổ chức các lớp tập huấn ngắn hạn và tham quan học tập trong nước và nước ngoài cho khoảng 700 cán bộ quản lý, nghiên cứu của Bộ NN&PTNT, cán bộ khuyến nông của 10 tỉnh tham gia dự án; tổ chức tập huấn cho khoảng 7.000 nông dân về công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp (ii) xây dựng chương trình đào tạo, giáo trình và đề cương bài giảng, in ấn tài liệu đào tạo về công nghệ sử dụng chất thải nông nghiệp làm phân bón hữu cơ, năng lượng sinh học, công nghệ giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất nông nghiệp).

b. Các hoạt động đã thực hiện năm 2017:

+ Ban QLDA Trung ương đã phối hợp với Cục Kinh tế hợp tác triển khai thực hiện và đã được Bộ NN & PTNT phê duyệt 05 chương trình đào tạo nghề cho nông dân về quản lý chất thải chăn nuôi (Sản xuất phân bón hữu cơ sinh học từ phế phụ phẩm trồng trọt và bã thải bể KSH; Lắp đặt và sử dụng thiết bị KSH; Nuôi trùn quế từ phân gia súc, gia cầm và bã thải nông nghiệp; Sản xuất phân hữu cơ sinh học từ phế thải chăn nuôi dạng rắn; Sản xuất phân hữu cơ sinh học từ phân trâu bò và bã bùn mía).

+ Ban QLDA Trung ương đã tổ chức (i) 01 lớp tập huấn về quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi cho cán bộ khuyến nông và cán bộ cấp huyện, xã, hội phụ nữ... của 03 tỉnh tham gia dự án (Nam Định, Hà Tĩnh, Bình Định) với tổng số người tham dự là 38 người, trong đó có 28 người là nữ, (ii) 02 lớp tập huấn cho các cán bộ nghiên cứu thuộc các Viện, Trường và các cơ quan có liên quan về sản xuất nông nghiệp các bon thấp. Lũy kế từ đầu dự án đến hết năm 2017, CPMU đã tổ chức 05 lớp tập huấn cho các cán bộ nghiên cứu với sự tham gia của 176 học viên, trong đó 85 học viên là nữ.

+ Các Ban QLDA tỉnh đã tổ chức 254 lớp tập huấn cho cán bộ khuyến nông, nông dân với nội dung nói trên với tổng số người tham dự 8.333 người, trong đó có 3.803 người là nữ, (Chi tiết tại Phụ lục 1)

c. Lũy kế các hoạt động đã thực hiện từ đầu dự án đến 31/12/2017:

+ Lũy kế từ đầu dự án đến hết năm 2017, toàn dự án đã tổ chức 500 lớp tập huấn với tổng số 16.386 người tham dự, trong đó có 7.604 người là nữ.

2.3.4. Hoạt động 4: *Thiết lập hệ thống thông tin (thư viện điện tử, bộ bản đồ các vùng sinh thái nông nghiệp và hệ thống học tập từ xa.) để phổ biến kiến thức và nhận thức về công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp (CSAWMP)*

a. Nội dung chính của hoạt động:

Dự án hỗ trợ kinh phí để: (i) xây dựng hệ thống thông tin (thư viện điện tử và đào tạo từ xa), nhằm hỗ trợ chia sẻ thông tin chuyên gia công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp cho nông dân và doanh nghiệp áp dụng vào sản xuất tại 10 tỉnh tham gia dự án. Hệ thống sẽ có sự tham gia của các đơn vị nghiên cứu có liên quan nhằm hỗ trợ các tỉnh và thúc đẩy chia sẻ thông tin về các công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp giữa các đơn vị nghiên cứu thuộc Bộ NN & PTNT; (ii) nâng cấp và cập nhật bộ bản đồ về tiềm năng và hiện trạng sử dụng chất thải nông nghiệp để sản xuất năng lượng tái tạo và phân bón hữu cơ nhằm phục vụ công tác quy hoạch quản lý chất thải nông nghiệp

b. Các hoạt động đã thực hiện năm 2017:

Ban QLDA Trung ương đã ký hợp đồng và đang triển khai thực hiện gói thầu số 23 – Tư vấn thiết kế, cài đặt, giám sát và chuyển giao công nghệ cho hệ thống thư viện điện tử. Ban QLDA Trung ương đã phê duyệt Báo cáo khởi đầu của tư vấn.

c. Lũy kế các hoạt động đã thực hiện từ đầu dự án đến 31/12/2017:

+ Ban QLDA Trung ương đã phối hợp với Cục Kinh tế hợp tác xây dựng phần mềm Bộ bản đồ cho 7 vùng sinh thái về tiềm năng và hiện trạng sử dụng chất thải nông nghiệp để sản xuất năng lượng tái tạo và phân bón hữu cơ, phục vụ công tác quy hoạch và quản lý chất thải nông nghiệp. Hiện tại, phần mềm vẫn đang tiếp tục được dự án đã phối hợp cùng các đơn vị liên quan cập nhật số liệu nhằm phục vụ cho các đơn vị quản lý và nghiên cứu về sử dụng phụ phẩm nông nghiệp. Đây là bộ bản đồ rất cần thiết phục vụ các đơn vị quản lý của Bộ lập quy hoạch phát triển sử dụng chất thải nông nghiệp nhằm giảm ô nhiễm môi trường và nâng cao thu nhập cho nông dân. Hiện nay, chưa có đơn vị nào của Bộ có cơ sở dữ liệu về lĩnh vực này.

2.4. Hợp phần 4 – Quản lý dự án

Các hoạt động đã thực hiện năm 2017:

+ Đoàn đánh giá dự án của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) đã hoàn tất đánh giá tình hình thực hiện dự án từ ngày 22 – 28/4/2017. Đoàn ADB đã đi kiểm tra một số địa bàn thuộc các tỉnh tham gia dự án và có những nhận xét tốt về tình hình thực hiện các hoạt động của dự án, đặc biệt là hiệu quả của công trình KSH quy mô nhỏ và các công nghệ quản lý chất thải chăn nuôi được ứng dụng trong dự án.

+ Ban QLDA Trung ương tiếp tục tổ chức các đoàn đi công tác tại 10 tỉnh tham gia dự án để hỗ trợ, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các tỉnh triển khai thực hiện dự án.

+ Để các hoạt động của dự án đạt được các tiêu chí về giới và dân tộc thiểu số, Ban QLDA Trung ương và các Ban QLDA tỉnh đã cử các cán bộ phụ trách về vấn đề này, tư vấn về giới và dân tộc thiểu số đã được huy động để hỗ trợ dự án trong các cuộc tập huấn tuyên truyền tại các tỉnh tham gia dự án. Năm 2017, CPMU đã tổ chức 03 lớp tập huấn về Giới và Dân tộc thiểu số cho các tỉnh dự án với sự tham gia của 102 người, trong đó 45 người là nữ.

+ Hệ thống giám sát, đánh giá dự án đã được xây dựng một cách khoa học nhằm theo dõi, phản ánh đầy đủ tình hình dự án và đề xuất các điều chỉnh thích hợp khi cần. Theo mẫu báo cáo Ban QLDA Trung ương xây dựng và hướng dẫn các Ban QLDA tỉnh sử dụng, hàng quý, năm, các PPMU gửi báo cáo tiến độ cho Ban QLDA Trung ương để tổng hợp và báo cáo tiến độ của toàn dự án theo yêu cầu của Chính phủ và ADB.

+ Để nâng cao trình độ của cán bộ kế toán dự án đáp ứng yêu cầu cập nhật các thay đổi về quy định tài chính của Chính phủ Việt Nam và hệ thống giải ngân của ADB Hà nội, Ban QLDA Trung ương đã tổ chức 01 cuộc tập huấn kế toán cho các cán bộ kế toán của 10 tỉnh tham gia dự án với sự tham gia của 42 cán bộ, trong đó 25 cán bộ là nữ.

+ Tiến độ thực hiện các gói thầu tư vấn: (i) Gói thầu số 1 - Tư vấn Quản lý thực hiện dự án: Các tư vấn đã được huy động đầy đủ và đang tích cực phối hợp với dự án để đẩy nhanh và thực hiện tốt các hoạt động của dự án; (ii) Gói thầu số 24 - Kiểm tra thực tế chuỗi công trình khí sinh học: Ban QLDA Trung ương đã ký hợp đồng và đang trong quá trình thực hiện; (iii) Gói thầu số 31 - Kiểm toán dự án (Giai đoạn 2): Ban QLDA Trung ương đã trình Ban Quản lý các dự án Nông nghiệp kết quả đánh giá Hồ sơ đề xuất kỹ thuật và đang chờ ý kiến trả lời.

III. HIỆU QUẢ THỰC HIỆN VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC HOẠT ĐỘNG:

3.1. Hợp phần 1 – Quản lý chất thải chăn nuôi

- Dự án đã chuẩn hóa và ban hành nhiều tài liệu hướng dẫn kỹ thuật về vận hành an toàn, bảo dưỡng các công trình KSH quy mô nhỏ, vừa và lớn, các biện pháp chống quá tải hàm KSH và sử dụng hết khí ga sinh ra, ... nhằm nâng cao nhận thức, hỗ trợ nông dân áp dụng các công nghệ xử lý môi trường hiệu quả.

- Các hoạt động tập huấn kỹ thuật, thông tin tuyên truyền cho người dân về vận hành, bảo dưỡng công trình KSH quy mô nhỏ đúng cách đã đem lại hiệu quả thiết thực về giảm ô nhiễm môi trường. Cho đến nay, các tỉnh tham gia dự án chưa xảy ra trường hợp nào về mất an toàn trong vận hành, bảo dưỡng các công trình khí sinh học.

- Việc hỗ trợ xây lắp các công trình KSH quy mô nhỏ đã đem lại hiệu quả cao về đầu tư, xã hội và môi trường: (i) sử dụng khí ga làm giảm chi phí mua nhiên liệu đun nấu; (ii) giảm thời gian kiểm củi và đun nấu cho phụ nữ và trẻ em; (iii) tạo môi trường sạch sẽ, không mùi hôi, không khói bụi.

- Các công trình KSH quy mô vừa do dự án hỗ trợ bước đầu được các tỉnh đánh giá cao về hiệu quả kinh tế và môi trường do người dân có thể sử dụng hết khí ga cho đun nấu và các hoạt động tạo thu nhập khác, sử dụng hết nước xả sau bioga để tưới cho cây trồng, không xả nước thải chăn nuôi xuống nguồn nước mặt hoặc làm ô nhiễm nguồn nước ngầm.

- Các lớp tập huấn về công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi khác để tránh quá tải bể KSH và xả khí ga thừa ra ngoài môi trường như ủ phân compost, nuôi trùn quế, chia sẻ khí ga cộng đồng, nấu cám, nấu rượu, sưởi ấm cho lợn nái và lợn con, phát điện, ..., là những biện pháp đem hiệu quả tốt về cải thiện môi trường và tạo thêm thu nhập cho người dân.

- Các hoạt động thông tin tuyên truyền của dự án đã bước đầu giúp người dân và các cấp chính quyền nhận thức được nhu cầu chuyển hướng trong xử lý môi trường chăn nuôi quy mô trang trại từ dựa chủ yếu vào công nghệ KSH như hiện nay sang áp dụng các công nghệ chế biến chất thải rắn làm phân bón hữu cơ và xử lý chất thải lỏng làm nguồn nước tưới cho cây trồng.

3.2. Hợp phần 2 – Tín dụng cho các chuỗi giá trị khí sinh học

- Chưa có tác động rõ rệt do tiến độ thực hiện còn rất chậm

3.3. Hợp phần 3 – Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp

- Các hoạt động điều tra, xây dựng chiến lược nghiên cứu của dự án đã giúp nhận diện chính xác nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường chăn nuôi, những tồn tại, hạn chế của các công nghệ xử lý môi trường chăn nuôi do các hộ chăn nuôi và chủ trang trại đang áp dụng. Dự án đã có những phát hiện quan trọng sau: (i) Chất thải rắn không phải là nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường do nước ta có ngành trồng trọt phát triển, nhu cầu phân chuồng rất cao; (ii) Chất thải lỏng là nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường do khó thu gom, chỉ còn các xả thải trực tiếp ra môi trường hoặc gián tiếp thông qua các hầm KSH; (iii) Các công trình KSH quy mô nhỏ đem lại hiệu quả tốt trong khi các công trình KSH quy mô lớn còn nhiều hạn chế do khí ga sinh ra không sử dụng, có hầm KSH vẫn không đáp ứng được QCVN 62, dẫn đến nhiều chủ trang trại không có động lực vận hành, bảo dưỡng các công trình KSH lớn đúng cách; (iv) Các chủ trang trại đang áp dụng các công nghệ rất tốn kém để xử lý chất thải lỏng đáp ứng QCVN 62 để xả xuống nguồn nước mặt trong khi các công nghệ với chi phí thấp hơn nhiều để xử lý nước thải chăn nuôi làm nguồn nước tưới cho cây trồng lại chưa được quan tâm áp dụng.

- Trên cơ sở những phát hiện trên trong Chiến lược nghiên cứu của dự án, Dự án đã đề xuất các gói thầu nghiên cứu và các mô hình thí điểm nhằm giới thiệu các công nghệ mới giúp giải quyết những tồn tại, hạn chế của các biện pháp xử lý môi trường chăn nuôi hiện tại. Một số hoạt động nghiên cứu và mô hình thí điểm do dự án thực hiện bước đầu cho thấy hướng đi mới trong xử lý toàn diện môi trường chăn nuôi do dự án đề xuất là đúng đắn.

- Các mô hình máy tách ép phân của dự án bước đầu đã cho hiệu quả rất khả quan. Một số hộ dân có quy mô trên 2.000 lợn đã có thể chạy máy 2 lần một tuần,

mỗi lần chạy 2-3 giờ, mỗi lần chạy thu được khoảng 1 tấn phân ép, có giá bán từ 800 ngàn đến 1 triệu đồng. Các chủ trang trại có thu nhập bổ sung hàng chục triệu đồng/ tháng từ áp dụng công nghệ này - Các mô hình sử dụng nước xả sau bioga để tưới cho cây trồng bước đầu đã đem lại kết quả tốt. Nhiều chủ trang trại trồng trọt tiết kiệm được 70-100% tiền mua phân bón hóa học. Nước xả sau bioga được xử lý và pha loãng đúng cách đã giúp cây trồng sinh trưởng tốt, tăng năng suất và chất lượng sản phẩm, cải tạo đất.

IV. KẾT QUẢ GIẢI NGÂN NĂM 2017:

- Phần vốn Phi tín dụng: Dự kiến giải ngân được: 134,85 tỷ đồng (vốn ADB: 125,09 tỷ đồng, vốn CPVN: 9,76 tỷ đồng), tỷ lệ giải ngân của dự án 82,73%,
- Phần vốn tín dụng: 2,88 tỷ đồng (vốn ADB: 2,45 tỷ đồng, vốn CPVN: 0,43 tỷ đồng) chiếm 1,9% trong tổng số vốn dự án (Chi tiết về kết quả giải ngân của dự án tại Phụ lục 4).

V. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN NĂM 2018:

5.1. Hợp phần 1: Quản lý chất thải chăn nuôi.

- + Tiếp tục xây dựng các mô đun đào tạo, tập huấn về giám sát, vận hành chuỗi giá trị KSH và quản lý chất thải chăn nuôi. Tổ chức các lớp tập huấn cán bộ khuyến nông, nông dân về quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi.
- + Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền nhằm: (i) Thúc đẩy ứng dụng công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi để tránh quá tải công trình KSH quy mô nhỏ và vừa, tránh xả khí ga thừa ra môi trường; (ii) Thúc đẩy xây dựng các cơ chế chính sách về Chuỗi giá trị thu gom, sản xuất và sử dụng phân bón hữu cơ từ chất thải chăn nuôi; (iii) Thúc đẩy ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật về xử lý nước xả chăn nuôi, nước xả sau biogas làm nguồn nước tưới cho cây trồng.
- + Tiếp tục hỗ trợ Chương trình khí sinh học quốc gia (NBP) về quản lý cơ sở dữ liệu KSH và bán tín chỉ các bon.
- + Tiếp tục thực hiện hỗ trợ kỹ thuật và tài chính cho các hộ chăn nuôi đăng ký xây lắp các công trình khí sinh học quy mô nhỏ và vừa. Tổ chức tập huấn về vận hành công trình khí sinh học và quản lý toàn diện môi trường chăn nuôi cho các hộ đăng ký nhận hỗ trợ xây lắp công trình khí sinh học từ dự án.
- + Tiếp tục đào tạo, tập huấn nhằm bổ sung đội ngũ thợ xây, thợ lắp đặt, kỹ thuật viên nhằm hỗ trợ đầy đủ nhu cầu xây lắp công trình KSH của các hộ chăn nuôi tại 10 tỉnh tham gia dự án.

5.2. Hợp phần 2: Tín dụng cho chuỗi giá trị khí sinh học

- + Hoàn thiện thủ tục bổ sung Ngân hàng Chính sách xã hội vào thực hiện hợp phần tín dụng.

+ Tiếp tục hỗ trợ thông tin tuyên truyền và đào tạo tập huấn cho các định chế tài chính tham gia dự án giải ngân hợp phần tín dụng đến các hộ nông dân và doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn.

5.3. Hợp phần 3: Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp.

+ Hoàn tất trao thầu các gói thầu nghiên cứu còn lại và tổ chức thực hiện các gói thầu nghiên cứu

+ Ban QLDA Trung ương sẽ tiếp tục phối hợp với Cục Kinh tế hợp tác xây dựng thêm 03 chương trình đào tạo nghề sơ cấp đã được Bộ phê duyệt trong năm 2018 là: Sản xuất thức ăn chăn nuôi từ phế phụ phẩm trồng trọt; Sản xuất đệm lót sinh học cho chăn nuôi; Sản xuất than sinh học từ phế phụ phẩm trồng trọt.

+ Tiếp tục cập nhật số liệu về tiềm năng và hiện trạng sử dụng chất thải nông nghiệp của 10 tỉnh tham gia dự án để phục vụ công tác lập quy hoạch quản lý và sử dụng chất thải nông nghiệp nhằm giảm ô nhiễm môi trường, nâng cao thu nhập cho nông dân.

+ Hoàn thành trao thầu các mô hình còn lại và thực hiện các gói thầu đã trao trong năm 2018.

+ Tiếp tục đào tạo, tập huấn cho cán bộ khuyến nông, nông dân và các bên có liên quan về các công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp.

+ Tổng kết kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình thực hiện các nghiên cứu và mô hình thí điểm nhằm đề xuất cơ chế chính sách phù hợp để xử lý toàn diện môi trường chăn nuôi.

5.4. Hợp phần 4: Quản lý dự án

+ Tăng cường phối hợp, kiểm tra giám sát tình hình triển khai thực hiện dự án tại các tỉnh để kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện.

+ Nâng cao chất lượng công tác báo cáo, giám sát đánh giá, lập kế hoạch, quản lý tài chính và giải ngân của dự án theo đúng các quy định mới nhất của ADB và CPVN.

+ Thực hiện tốt công tác đấu thầu và giám sát thực hiện các gói thầu của dự án nhằm đảm bảo hiệu quả.

+ Hoàn thành thủ tục để trao thầu và ký hợp đồng Gói thầu số 31 – Kiểm toán dự án (Giai đoạn 2) trong Quý 1/2018.

5.5. Kế hoạch giải ngân năm 2018:

Tổng số vốn ODA dự án đã đề nghị Bộ Tài chính phân bổ là 309,14 tỷ đồng, Cụ thể như sau:

DVT: tỷ đồng

STT	Nội dung	Đề nghị	Đã được cấp
	TỔNG	309,141	
A	CPMU	159	240
B	Các Tỉnh	150,141	
1	Son La	14,328	
2	Lào Cai	8,084	8,1
3	Phú Thọ	22,959	
4	Bắc Giang	14,730	
5	Nam Định	20	
6	Hà Tĩnh	12	12
7	Bình Định	20	20
8	Tiền Giang	13,04	
9	Bến Tre	10	
10	Sóc Trăng	15	15

* Vốn đối ứng ban QLDA các tỉnh đăng ký với UBND tỉnh.

VI. MỘT SỐ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC:

1. Tiến độ giải ngân quá chậm của các định chế tài chính đã làm ảnh hưởng lớn tới tỷ lệ giải ngân của toàn dự án.
2. Năm 2017 là năm dự án có nhiều hoạt động với khối lượng giải ngân vốn ODA rất lớn. Tuy nhiên, tháng 3/2017, Ban QLDA Trung ương mới chỉ được Bộ NN & PTNT giao 7,7 tỷ đồng, và đến tháng 9/2017 được cấp thêm 27 tỷ đồng, so với kế hoạch đăng ký ban đầu, dự án còn thiếu 61,7 tỷ đồng. Trước tình hình vốn được giao như vậy, dự án đã phải giãn tiến độ, đẩy các hoạt động sang thực hiện và giải ngân vào năm 2018;
3. Do có thay đổi về cơ chế giao kế hoạch vốn của Chính phủ tại Thông tư 111 của Bộ Tài chính nên các tỉnh đều bị chậm phê duyệt kế hoạch năm và dự toán năm 2017 (do chuyển từ Sở Nông nghiệp và PTNT duyệt kế hoạch và dự toán năm 2017 sang Sở Tài chính thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt nên mãi đến tháng 5-6/2017, các PPMU mới được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch năm 2017 để có thể bắt đầu giải ngân).

4. Các hoạt động của dự án mang tính chất hành chính sự nghiệp bị ảnh hưởng nhiều do một số văn bản của Chính phủ quy định về hạn chế sử dụng vốn vay ODA cho các hoạt động chi thường xuyên, đào tạo, tập huấn.

VII. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

1. Kiến nghị Bộ Tài chính đẩy nhanh thủ tục ký Hiệp định vay phụ với Ngân hàng chính sách xã hội nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong thực hiện hợp phần tín dụng của dự án.
2. Đề nghị các cấp có thẩm quyền đẩy nhanh việc phê chuẩn các văn bản liên quan đến việc thực hiện và giải ngân các hoạt động của dự án, tạo điều kiện cho dự án đẩy nhanh tiến độ giải ngân và hoàn thành kế hoạch đã đề ra.
3. Đề nghị Bộ NN-PTNT cho phép dự án phối hợp với các đơn vị có liên quan như Cục Chăn nuôi, Cục Trồng trọt, Tổng Cục Thủy lợi nhằm tham vấn đưa các nội dung liên quan đến quản lý chất thải chăn nuôi và sử dụng nước xả sau công trình KSH để tưới cho cây trồng vào Luật Chăn nuôi và Luật trồng trọt, xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật về xử lý nước xả chăn nuôi làm nước tưới cho cây trồng, ... nhằm tạo điều kiện khai thác hiệu quả nguồn chất hữu cơ và dinh dưỡng từ chất thải chăn nuôi, nâng cao chuỗi giá trị chăn nuôi và bảo vệ môi trường./.

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN

Nguyễn Thế Hình

PHỤ LỤC:

- 1. Phụ lục 1 - Các hội thảo, tập huấn đã triển khai trong năm 2017**
- 2. Phụ lục 2 – Số lượng các công trình khí sinh học đã thực hiện trong năm 2017 và lũy kế từ đầu dự án**
- 3. Phụ lục 3 – Tình hình kiểm tra giám sát công trình khí sinh học năm 2017**
- 4. Phụ lục 4 – Tình hình giải ngân của dự án năm 2017**

Phụ lục 2: Số lượng các công trình khí sinh học đã thực hiện năm 2017 và lũy kế từ đầu dự án

TT	Tỉnh	Kế hoạch năm 2017			Năm 2017									Lũy kế từ đầu dự án đến hết năm 2017								
					Số lượng công trình KSH đã triển khai			Số lượng công trình KSH đã nghiệm thu			Số lượng công trình KSH đã nhận hỗ trợ			Số lượng công trình KSH đã triển khai			Số lượng công trình KSH đã nghiệm thu			Số lượng công trình KSH đã nhận hỗ trợ		
		Cỡ nhỏ	Cỡ vừa	Cỡ lớn	Cỡ nhỏ	Cỡ vừa	Cỡ lớn	Cỡ nhỏ	Cỡ vừa	Cỡ lớn	Cỡ nhỏ	Cỡ vừa	Cỡ lớn	Cỡ nhỏ	Cỡ vừa	Cỡ lớn	Cỡ nhỏ	Cỡ vừa	Cỡ lớn	Cỡ nhỏ	Cỡ vừa	Cỡ lớn
1	Lào Cai	800	5		575	4		598	4		598	4		2,703	4		2,138	4		2,138	4	
2	Sơn La	520	8		481			288			269			2,378			2,137			2,118		
3	Phú Thọ	0			2,595			2,455			939	2		9,651	4		9,511	4		7,995	2	
4	Bắc Giang	640	3		620	3		618	2		618	2		7,865	3		7,863	2		7,863	2	
5	Nam Định	1,800	10		622	1		570	1		570			4,855	1	2	4,672	1	2	4,672		2
6	Hà Tĩnh	1,352	10		566			509			509			4,928	4		4,871	4		4,871	4	
7	Bình Định	1,430	5		1,025			1,021			1,021			7,691			7,687			7,687		
8	Tiền Giang	1,000	3		492	2		492			492			2,992	2		2,992			2,992		
9	Bến Tre	1,500	3		787	3		787	2		477			5,145	3		5,145	2		4,835		
10	Sóc Trăng	730	2		458	2		518	2		498			3,002	2		3,062	2		3,042		
	Tổng	9,772	49	0	8,221	15	0	7,856	11	0	5,991	8	0	51,210	23	2	50,078	19	2	48,213	12	2

Phụ lục 3: BÁO CÁO KIỂM TRA GIÁM SÁT CTKSH

STT	Tỉnh	Số CT đã xây dựng từ đầu dự án đến hết năm 2017			Số CT đã kiểm tra trong năm 2017			Lũy kế Số CT đã kiểm tra từ đầu dự án đến hết năm 2017			Tỷ lệ Số CT đã kiểm tra từ đầu dự án đến hết năm 2017
		Nhỏ	Vừa	Lớn	Nhỏ	Vừa	Lớn	Nhỏ	Vừa	Lớn	(%)
1	Lào Cai	2,703	4		65	4		328	4		12%
2	Sơn La	2,360			152			550			23%
3	Phú Thọ	10,059	4		600			1,568			16%
4	Bắc Giang	7,865	3		77	3		721	3		9%
5	Nam Định	4,847	1	2	892	1		1,182	1	2	24%
6	Hà Tĩnh	4,991	4		470			696			14%
7	Bình Định	7,693			120			360			5%
8	Tiền Giang	2,961	2		246			429			14%
9	Bến Tre	5,182	3		300			526			10%
10	Sóc Trăng	3,002	2		239			489			16%
	Tổng cộng	51,663	23	2	3,161	8	0	6,849	8	2	

TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN NĂM 2017

STT		Kế hoạch vốn			Giải ngân		
		Tổng số	Vốn ADB	Vốn CPVN	Tổng số	Vốn ADB	Vốn CPVN
A	Phần vốn Phi tín dụng	162,993	152,378	10,615	134,853	125,089	9,764
I	Ban QLDA Trung Ương	39,242	34,778	4,464	38,882	34,482	4,400
II	Ban QLDA các tỉnh	123,751	117,600	6,151	95,971	90,607	5,364
1	Lào Cai	14,678	14,200	478	6,735	6,246	489
2	Sơn La	6,665	5,800	865	6,239	5,570	669
3	Phú Thọ	21,100	20,400	700	16,077	15,577	500
4	Bắc Giang	13,400	12,800	600	12,536	11,970	566
5	Nam Định	10,800	10,300	500	10,587	10,087	500
6	Hà Tĩnh	15,400	14,400	1,000	9,256	8,356	900
7	Bình Định	15,340	14,600	740	13,498	12,832	666
8	Bến Tre	8,684	8,300	384	7,311	6,948	363
9	Sóc Trăng	9,514	9,000	514	6,272	5,852	420
10	Tiền Giang	8,170	7,800	370	7,460	7,169	291